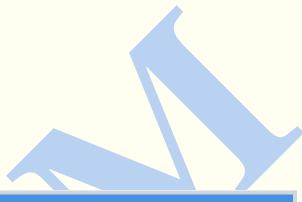


A. Vocabulary (Từ vựng)

Dưới đây là các từ vựng quan trọng liên quan đến chủ đề "Robots" mà các em cần nắm vững.

1. Types of Robots (Các loại người máy)



English (Tiếng Anh)	Vietnamese (Tiếng Việt)	Example (Ví dụ)
worker robot	robot công nhân	A worker robot can build cars in a factory.
teacher robot	robot giáo viên	A teacher robot can help students with their homework.
doctor robot	robot bác sĩ	In the future, a doctor robot can help sick people.
home robot	robot gia đình	My dream is to have a home robot to clean the house.
space robot	robot không gian	A space robot can explore other planets.

2. Parts of a Robot (Các bộ phận của người máy)

English (Tiếng Anh)	Vietnamese (Tiếng Việt)	Example (Ví dụ)
head	đầu	The robot has a big, round head with two lights for eyes.
body	thân/mình	Its body is made of strong metal.
arm	cánh tay	It has two long arms to lift heavy things.
hand	bàn tay	Its hand can hold a pen to write.
leg	chân	This robot moves on wheels, it doesn't have legs .
wheel	bánh xe	The home robot uses wheels to move around the house.

VID

3. Actions/Abilities of a Robot (Hành động/Khả năng của người máy)

English (Tiếng Anh)	Vietnamese (Tiếng Việt)	Example (Ví dụ)
understand	hiểu	My robot can understand what I say.
speak	nói	It can speak three languages: English, Vietnamese, and Japanese.
lift	nâng, nhấc	A worker robot can lift heavy boxes.
clean the house	lau dọn nhà cửa	A home robot can clean the house every day.
cook meals	nấu ăn	This amazing robot can cook meals for my family.
guard the house	canh gác nhà cửa	A security robot can guard the house at night.
do homework	làm bài tập về nhà	A teacher robot can help me do homework .

B. Grammar (Ngữ pháp)

Phần này tập trung vào hai điểm ngữ pháp chính để nói về khả năng và chức năng của người máy.

1. Modal Verb: CAN / CAN'T (Động từ khuyết thiếu: CAN / CAN'T)

Chúng ta dùng **can** và **can't** để nói về khả năng, tức là ai đó hoặc vật gì đó có thể hoặc không thể làm gì.

- **Thể khẳng định: S + can + V (nguyên thể)**

Giải thích: Dùng để diễn tả ai/cái gì có khả năng làm gì. "Can" đi với tất cả các chủ ngữ.

Ví dụ:

1. A doctor robot **can** take care of sick people. (Một robot bác sĩ có thể chăm sóc người bệnh.)
2. Robots **can** work in factories. (Robot có thể làm việc trong các nhà máy.)

- **Thể phủ định: S + can't + V (nguyên thể)**

Giải thích: Dùng để diễn tả ai/cái gì không có khả năng làm gì. "Can't" là viết tắt của "cannot".

Ví dụ:

1. My robot **can't** sing a song. (Robot của tôi không thể hát.)
2. A home robot **can't** go to space. (Một robot gia đình không thể đi vào không gian.)

- **Thể nghi vấn (Câu hỏi Yes/No): Can + S + V (nguyên thể)?**

Giải thích: Dùng để hỏi về khả năng của ai/cái gì.

Ví dụ:

1. **Can** a teacher robot speak English? - Yes, it can. / No, it can't. (Robot giáo viên có thể nói tiếng Anh không? - Có, nó có thể. / Không, nó không thể.)
2. **Can** robots understand our feelings? - No, they can't. (Robot có thể hiểu cảm xúc của chúng ta không? - Không, chúng không thể.)

2. The Present Simple Tense (Thì hiện tại đơn)

Chúng ta dùng thì hiện tại đơn để nói về một sự thật hiển nhiên, một thói quen hoặc chức năng cố định của một vật. Điều này rất hữu ích khi mô tả những gì một robot thường làm.

- **Thể khẳng định: S + V(s/es)**

Giải thích: Với chủ ngữ là **I/You/We/They/danh từ số nhiều**, động từ giữ nguyên. Với chủ ngữ là **He/She/It/danh từ số ít**, ta thêm "s" hoặc "es" vào sau động từ.

Ví dụ:

1. This home robot **cleans** the floor every day. (Robot gia đình này lau sàn mỗi ngày.)
2. Worker robots **work** 24 hours a day. (Các robot công nhân làm việc 24 giờ một ngày.)

- **Thể phủ định: S + do/does + not + V (nguyên thể)**

Giải thích: Dùng **don't (do not)** với I/You/We/They/danh từ số nhiều. Dùng **doesn't (does not)** với He/She/It/danh từ số ít.

Ví dụ:

1. My robot **doesn't** cook. It only washes the dishes. (Robot của tôi không nấu ăn. Nó chỉ rửa bát.)
2. These robots **don't** need to sleep. (Những con robot này không cần ngủ.)

- **Thể nghi vấn (Câu hỏi Yes/No): Do/Does + S + V (nguyên thể)?**

Giải thích: Dùng **Do** với I/You/We/They/danh từ số nhiều. Dùng **Does** với He/She/It/danh từ số ít.

Ví dụ:

1. **Does** your robot help you with your homework? - Yes, it does. (Robot của bạn có giúp bạn làm bài tập không? - Có, nó có.)
2. **Do** worker robots make mistakes? - No, they don't. (Robot công nhân có mắc lỗi không? - Không, chúng không.)

C. Practice (Luyện tập)

Áp dụng từ vựng và ngữ pháp đã học vào các kỹ năng ngôn ngữ.

1. Reading (Kỹ năng Đọc)

Đọc đoạn văn sau và trả lời câu hỏi:

My name is H-8. I am a home robot. I live with the Smith family. I am very helpful. In the morning, I wake everyone up at 6 a.m. I can cook breakfast for the family. Then, I clean the house. I can wash the clothes, but I can't iron them. I can also play chess with Mr. Smith. He says I am very smart. I can't talk about feelings, but I can understand simple commands. I help the children with their English homework. The family loves me very much.

1. What is the robot's name?
2. What can the robot do in the morning?
3. Can the robot iron the clothes?
4. Who does the robot play chess with?
5. Does the robot help the children with their homework?

2. Speaking (Kỹ năng Nói)

Luyện tập hỏi và trả lời về khả năng của robot cùng bạn bè:

- **Hỏi:** What can a worker robot do?
Trả lời: It can build cars and lift heavy things.
- **Hỏi:** Can a home robot teach English?
Trả lời: No, it can't. A teacher robot can teach English.
- **Hỏi:** Can your dream robot fly?
Trả lời: Yes, it can. It can take me to school.

3. Writing (Kỹ năng Viết)

Viết một đoạn văn ngắn (khoảng 40-50 từ) về con robot trong mơ của em. Trả lời các câu hỏi gợi ý sau:

- What is its name? (Tên nó là gì?)
- What does it look like? (Nó trông như thế nào?)
- What can it do to help you? (Nó có thể làm gì để giúp bạn?)
- What can't it do? (Nó không thể làm gì?)

Bài viết mẫu:

My dream robot's name is Buddy. It is small and blue. It has two wheels to move around. Buddy can help me with my homework. It can also read books to me before I go to sleep. It is a great friend. However, it can't cook meals because it is too small.

VIDOCU.COM